|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH (LẦN 2) VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ (THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 124/2017/NĐ-CP)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BCT ngày tháng năm 2023 của Bộ Công Thương)*

Trên cơ sở dự thảo Nghị định lấy ý kiến ngày 21/02/2023, tiếp thu, giải trình của Bộ Công Thương như sau:

| **TT** | **Điều** | **Khoản** | **Nội dung góp ý của các Bộ, cơ quan** | **Giải trình, tiếp thu của bộ Công Thương** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Góp ý chung** |  | **1. Bộ Quốc phòng** thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định đã được Bộ Công Thương tiếp thu, chỉnh lý *(Văn bản số 763/BQP-KHĐT ngày 13/3/2023)*.  **2. Bộ Nội vụ** nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định (lần 2) do Bộ Công Thương xây dựng (Văn bản số 916/BNV-KHTC) ngày 06/3/2023).  **3. Bộ Ngoại giao** về cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định *(Văn bản số 1095/BNG-THKT ngày 16/3/2023)*.  **4. Bộ Công an** cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định (lần 2) của Bộ Công Thương (*Văn bản số 765/BCA-ANKT ngày 17/3/2023)*.  **5. Bộ Tư pháp** nhận thấy việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí là cần thiết *(Văn bản số 1100/BTP-PLQT ngày 28/3/2023)*. |  |
| **2** | **Dự thảo Tờ trình** |  | **1. PVN:** để phản ánh vấn đề khá quan trọng liên quan đến điều chỉnh đầu tư, tái đầu tư tại các dự án dầu khí tại nước ngoài, PVN đề nghị Bộ Công Thương xem xét bổ sung các nội dung sau tại Tờ trình Chính phủ:  - Khoản 1 Điều 63 Luật Đầu tư năm 2020 quy định trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (GCNĐKĐTRNN), theo đó loại bỏ các nội dung cần điều chỉnh: quy mô, tiến độ đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014;  - Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 67 Luật Đầu tư năm 2020 quy định để lại lợi nhuận để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại thì cần điều chỉnh GCNĐKĐTRNN đối với dự án hiện hữu: *(i) Góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, hoặc; (ii) Tăng vốn đầu tư ra nước ngoài.*  - Khoản 2 Điều 67: Trường hợp giữ lại lợi nhuận từ dự án hiện hữu để tái đầu tư cho dự án mới khác thì chỉ cần thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN cho dự án đầu tư mới (theo Luật Đầu tư năm 2014 thì cần điều chỉnh GCNĐKĐTRNN hiện hữu và cấp GCNĐKĐTRNN cho dự án mới).  **2. Bộ Tư pháp**: đề nghị rà soát để đảm bảo đầy đủ các thành phần hồ sơ và nội dung theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | - Bộ Công Thương tiếp thu và bổ sung vào điểm iii phần 1 mục I của dự thảo Tờ trình.  - Bộ Công Thương tiếp thu, và rà soát để đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo quy định. |
| **3** | **Điều 2 - Đối tượng áp dụng** |  | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** cần nêu rõ áp dụng cho nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân ***ở Việt Nam***. | Đối tượng áp dụng đã được quy định rõ tại Điều 2 dự thảo Nghị định. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
| **4** | **Điều 3 - Giải thích từ ngữ** | Khoản 2 và khoản 9 | **1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN):** pháp luật hiện hành không quy định về “gánh vốn”, “ứng vốn”. Do đó, việc sử dụng các thuật ngữ này là không có cơ sở pháp lý. Việc cho phép nhà đầu tư Việt Nam ứng vốn và/hoặc gánh vốn cho nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động ĐTRNN trong lĩnh vực dầu khí tại dự thảo Nghị định cần được cân nhắc thận trọng. | - Các định nghĩa “ứng vốn”, “gánh vốn” cần bổ sung do phát sinh tình huống thực tế theo thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế (tương tự như tại một số lô dầu khí ở Việt Nam, nhà thầu nước ngoài cũng gánh vốn và/hoặc ứng vốn cho nhà đầu tư Việt Nam).  - Theo quy định luật pháp nước tiếp nhận đầu tư tại một số quốc gia, các hợp đồng dầu khí, giấy phép, cũng như theo yêu cầu của nước chủ nhà hoặc nhà đầu tư nước ngoài khác đang sở hữu tài sản/mỏ/lô theo đánh giá có độ *“hấp dẫn - tiềm năng cao”*. Khi đó, điều kiện tiên quyết để nhà đầu tư Việt Nam tham gia vào các dự án này là “ứng vốn” hoặc “gánh vốn” cho nước chủ nhà hoặc nhà đầu tư khác tại nước ngoài tham gia dự án. Như vậy:  + Đối tượng “ứng vốn”, “gánh vốn”: Nhà đầu tư Việt Nam thực hiện nghĩa vụ đối với nước chủ nhà, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài/nhà đầu tư nước ngoài theo các quy định nêu trên.  + Đối tượng của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài: Nhà đầu tư Việt Nam cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài/công ty điều hành vay để triển khai dự án dầu khí.  - Tất cả các khoản trên (nếu có) đều được đánh giá trong Báo cáo đầu tư/hồ sơ dự án. Trên cơ sở đánh giá về tính khả thi/hiệu quả của dự án (bao gồm ứng vốn/gánh vốn), nhà đầu tư Việt Nam sẽ thực hiện các thủ tục về xin chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài và xin cấp GCNĐKĐTRNN. Phần chi phí ứng vốn, gánh vốn được tính trong cơ cấu vốn đầu tư ra nước ngoài của Nhà đầu tư Việt Nam và được cấp thẩm quyền chấp thuận/ghi nhận tại GCNĐKĐTRNN.  - Tại Việt Nam cũng có quy định tương tự.  + PVN có quyền tham gia theo tỷ lệ % thỏa thuận trước trong hợp đồng dầu khí khi Nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại đầu tiên. Khi đó PVN sẽ trả phần gánh vốn cho Nhà thầu hoặc nhà thầu sẽ lấy theo tỷ lệ % từ phần chia của PVN trong dầu/khí thu hồi chi phí hoặc theo thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí.  + Có hợp đồng dầu khí, PVN hoặc PVEP tham gia ngay từ đầu và được nhà thầu gánh vốn. Nếu chỉ gánh vốn cho giai đoạn tìm kiếm thăm dò (TKTD) thì khi mỏ đi vào khai thác, PVN, PVEP sẽ phải trả cho nhà thầu chi phí gánh vốn từ 100% dầu/khí thu hồi chi phí của PVN, PVEP. Nếu nhà thầu gánh vốn cho cả giai đoạn phát triển thì khi mỏ đi vào khai thác, PVN, PVEP sẽ phải trả phần gánh vốn từ 100% dầu/khí thu hồi chi phí + 50% dầu khí lãi của PVN, PVEP. |
| Khoản 3 | **1. Bộ Tư pháp:** khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của dự thảo Nghị định có đề cập đến *“giấy phép”* và quy định về khái niệm *“giấy phép hoặc các văn bản tương đương”*, Bộ Tư pháp đề nghị cần rà soát để quy định thống nhất và rõ ràng với các nội dung này.  **2. Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương):** đề nghị rà soát đồng nhất các cụm từ *“văn bản tương đương”* với các cụm từ *“văn bản có giá trị tương đương”* quy định trong nội dung các điều khác của dự thảo. | - Bộ Công Thương tiếp thu và đã rà soát dự thảo Nghị định.  - Bộ Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa khoản 3 Điều 3 thành *“văn bản có giá trị tương đương”*. |
| Khoản 5 | **1. PVEP:** đề nghị bổ sung nội dung gạch chân *“Hợp đồng dầu khí là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện chủ sở hữu tài nguyên dầu khí với nhà đầu tư hoặc pháp nhân do Nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài”*. | Bộ Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. |
| Khoản 6, 7, 8 | **1. NHNN:** đề nghị xem lại giải thích đối với thuật ngữ *“thỏa thuận cho vay ra nước ngoài”*.  **2. PVEP:** đề nghị bỏ khái niệm *“Người điều hành”* tại khoản 7 vì không được nhắc đến trong toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định.  **3. PVN:** đề nghị đổi tên *“Người điều hành”* thành *“Công ty điều hành”* để đồng bộ tên gọi như Điều 13 của dự thảo Nghị định.  **4. Vụ Pháp chế:** rà soát, cân nhắc bỏ các khái niệm tại khoản 6, 7, 8 Điều 3 dự thảo do các nội dung này không được đề cập tại điều, khoản nào trong dự thảo Nghị định. | - Bộ Công Thương đã bỏ thuật ngữ *“thỏa thuận cho vay ra nước ngoài”.*  - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến PVN, PVEP đã bỏ khái niệm “Người điều hành” trong dự thảo Nghị định. Tại Điều 13 dự thảo Nghị định đã có quy định về Công ty điều hành.  - Bộ Công Thương tiếp thu và đã bỏ khoản 7 và 8 Điều này trong dự thảo Nghị định. Riêng khoản 6 Điều này để nghị giữ lại do liên quan đến khái niệm lợi nhuận được sử dụng trong Nghị định. |
| **1. PVN, 2. Hội dầu khí Việt Nam, 3. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLV):** đề nghị bổ sung khái niệm *“dự án dầu khí đầu tư mở rộng”* và *“dự án dầu khí đầu tư mới”* phù hợp với khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020, làm cơ sở để xác định loại hình dự án tương ứng với thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN điều chỉnh/GCNĐKĐTRNN mới. | Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo do 2 khái niệm đề nghị bổ sung không được đề cập trong dự thảo Nghị định. Đối với dự án đầu tư bổ sung, nếu nguồn vốn vượt mức đã quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký ĐTRNN nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh GCNĐKĐTRNN theo quy định. Đối với dự án dầu khí đầu tư mới, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐTRNN mới, tách biệt với GCNĐKĐTRNN của dự án hiện hữu đang triển khai. |
| **5** | **Điều 4. Vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí** | Điểm e khoản 2 | **1. PVEP:** đề nghị bổsung thêm chữ gạch chân: “*Phần gánh vốn, phần ứng vốn, lợi nhuận trả cho đối tác gánh vốn, ứng vốn (nếu có)*”. | Bộ Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. |
| Khoản 3 | **1. UBQLV:** đề nghị cân nhắc nội dung này vì phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định là ĐTRNN theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư hiện hành để trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí. Do vậy, quy định rõ việc góp vốn, cho công ty điều hành, tổ chức kinh tế ở nước ngoài được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài vay vốn có phải là hoạt động trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí hay không? Ngoài ra, việc cho vay vốn phải phù hợp với chức năng của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. | Những nội dung quy định tại khoản này liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí ở nước ngoài, phù hợp với nội dung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định. |
| Khoản 4 | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị quy định hình thức pháp lý cụ thể để thực hiện việc hoán đổi cho việc mua cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án dầu khí. | Việc hoán đổi chỉ là một hình thức chuyển nhượng dự án dầu khí và đã được quy định tại Điều 17 dự thảo Nghị định. |
| **6** | **Điều 5. Đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam** |  | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị cụ thể hóa quy định tại Điều 70 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP vào Điều này (thay vì dẫn chiếu) vì đây là điều kiện bổ sung nên cần có quy định cụ thể để đảm bảo tính rõ ràng trong việc thực hiện. | Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, cụ thể hóa nội dung này tương tự Điều 70 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. |
| **7** | **Điều 6** **- Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** |  | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** đề nghị bổ sung về phân cấp quyết định đầu tư điều chỉnh dưới và trên 20%, mở rộng và đầu tư mới mà phía tham gia Việt Nam không có hoặc có cổ phần chi phối. Đây cũng là những nội dung khó thống nhất trong quá trình lập, trình, thẩm định và phê duyệt.  - Có 3 loại doanh nghiệp với 3 “quy trình” khác nhau theo các quy định của Nghị định này, của Luật Đầu tư và Luật doanh nghiệp, có quá phức tạp?  - Khoản 6.1.d: đoạn *“sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận …”*: thêm thủ tục này (chỉ nêu chung chung tại Điều 57.1.e Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP cũng không hướng dẫn cụ thể) thì sẽ hiểu là áp dụng cho doanh nghiệp hay cho từng dự án cụ thể, trình tự/thủ tục cụ thể như thế nào?  - Khoản 6.2.e: các thủ tục liên quan là những thủ tục gì?  - Khoản 6.4: bao gồm các công ty như cổ phần, tư nhân, ...? Nhưng như vậy không phù hợp với tên gọi của Điều 6.  **2. Vụ Pháp chế:** đề nghị cân nhắc bỏ nội dung liên quan tới thành phần hồ sơ: *“trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan đại diện chủ sở hữu về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước”* tại điểm a, khoản 1 Điều 6 và *“trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con”* tại điểm a, khoản 3 Điều 6 do nội dung này đã được quy định trong thành phần hồ sơ tại Điều 9, 10 dự thảo. Các khoản này chỉ cần quy định các trường hợp và thẩm quyền thực hiện. | - Khoản 5 Điều này quy định về cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương ĐTRNN trong hoạt động dầu khí, tuân thủ Luật Đầu tư. Việc quyết định đầu tư điều chỉnh cũng phải tuân thủ Luật Đầu tư.  + Việc quy định thẩm quyền quyết định ĐTRNN đối với dự án dầu khí của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trên 50% vốn điều lệ, của công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm giải quyết các vướng mắc thực tế hiện có giữa PVN, PVEP và UBQLV. Nội dung Điều 6 đã tiếp thu ý kiến góp ý trực tiếp của các bộ, ngành, PVEP, PVN tại các cuộc họp xây dựng dự thảo Nghị định.  + Điểm d khoản 1 Điều này nhằm làm rõ các bước thực hiện đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương ĐTRNN. Đây chỉ là thủ tục nội bộ, do đó không phát sinh thủ tục hành chính mới.  + Điều này không có điểm e khoản 2.  + Khoản 4 Điều này là câu quét, Bộ Công Thương sẽ cân nhắc sự cần thiết của khoản này.  - Bộ Công Thương tiếp thu và rà soát, chỉnh sửa các từ, cụm từ liên quan đến hồ sơ như: “*báo cáo”*, *“có văn bản”.* |
| **8** | **Điều 9 - Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy CNĐKDDTRNN đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương ĐTRNN** |  | **1. UBQLV:** đề nghị rà soát hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký ĐTRNN đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương ĐTRNN để quy định thống nhất với Điều 75 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. | Nội dung tại Điều 9 được tham khảo dựa trên Điều 75 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và đã được bổ sung để quy định phù hợp với việc ĐTRNN trong lĩnh vực dầu khí. |
| Điểm a khoản 1 | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** quy định quá nhiều loại hồ sơ. | Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư trên cơ sở tham khảo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và phù hợp với thực tiễn ĐTRNN trong hoạt động dầu khí. |
| Điểm b khoản 1 | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** “Phải đánh giá đầy đủ về rủi ro …”, hiểu thế nào là đầy đủ, liệu có khả thi? | Việc nhà đầu tư đánh giá đầy đủ các rủi ro về kỹ thuật, kinh tế, môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và các rủi ro khác phù hợp với tính chất của dự án hoặc các giai đoạn của dự án dầu khí ở nước ngoài là cần thiết, nhất là đối với các doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm hiệu quả đầu tư vốn ra nước ngoài. |
| Điểm d khoản 1 | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** Giấy này cần cấp trước khi nhà đầu tư cam kết, cho dù có thể mất cơ hội. Tương tự đối với điều chỉnh GCNĐKĐT, cần hoàn tất tại VN trước khi thực hiện thủ tục tại nước tiếp nhận đầu tư. Nếu không còn đặc thù thì theo Luật Đầu tư luôn, các tài liệu chỉ như tại Điều 57 của Luật. Và nếu vậy có còn cần Nghị định riêng cho hoạt động dầu khí khi hồ sơ, quy trình, chuyển vốn,… cơ bản theo Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, thậm chí quy định trong dự thảo nghị định này còn phức tạp hơn Nghị định số 31/2021/NĐ-CP? | - Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài có đặc thù là hợp đồng dầu khí hoặc văn bản thỏa thuận về nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia... Do đó, Bộ Công Thương đã quy định riêng về nội dung này tại Điều 7 dự thảo Nghị định trên cơ sở tham khảo Luật Đầu tư, Nghị định 31/2021/NĐ-CP để phù hợp với dự án dầu khí.  - Quy định về hồ sơ xin cấp GCNĐKĐTRNN trong hoạt động dầu khí không có đặc thù gì khác so với các dự án ĐTRNN được quy định ở Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Do đó, Bộ Công Thương dẫn chiếu sang Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Các nội dung đều được quy định rõ ràng. |
| **9** | **Điều 10 - Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký ĐTRNN đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài** |  | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** Việcquy định theo Điều 77 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP không đáp ứng được về mặt thời gian khi đi đầu tư ở nước ngoài. | Nội dung quy định tại Điều này nhằm bảo đảm tính nhất quán trong pháp luật về đầu tư. Trên thực tế, việc rút ngắn quy trình thẩm định như quy định tại Nghị định số 124/2017/NĐ-CP chưa bao giờ được thực hiện. Hơn nữa, PVN và PVEP, 2 đơn vị trực tiếp ĐTRNN trong hoạt động dầu khí cũng đồng thuận với quy định tại Điều này. |
| **10** | **Điều 14 - Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài** | Khoản 2 | **1. NHNN:**  - Đề nghị bổ sung thêm quy định: *“Số lượng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”*.  - Đề nghị Bộ Công Thương bổ sung quy định về thủ tục, hồ sơ đăng ký chuyển tiền trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN tương tự tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định 124 vào dự thảo Nghị định (trong đó thay cụm từ “chấp thuận” bằng cụm từ “đăng ký”).  - Ngoài ra, vốn đầu tư không chỉ bằng tiền (ngoại tệ) mà còn bằng tài sản (hàng hóa, máy móc, thiết bị, sáng chế…). Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung thêm trách nhiệm hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan khác để bảo đảm đồng bộ và tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể: trách nhiệm của Bộ Tài chính (quy định tại khoản 6 Điều 82 Nghị định 31/2021/NĐ-CP) hướng dẫn việc chuyển vốn bằng máy móc, thiết bị và hàng hóa; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc chuyển vốn bằng *“Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thương hiệu, quyền đối với tài sản”;* trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc chuyển vốn bằng *“Cổ phần, phần vốn góp, dự án của nhà đầu tư được hoán đổi tại tổ chức kinh tế ở Việt Nam và tổ chức kinh tế ở nước ngoài”*.  **2. PVEP:** đề nghị hiệu chỉnh như sau: *“2. Nhà đầu tư được chuyển ~~ngoại tệ~~ tiền, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài…”.*  **3. Vụ Pháp chế:** Nội dung tại khoản 2 dự thảo Nghị định không khác so với khoản 2 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, do đó khoản này đề nghị dẫn chiếu theo khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. | - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến của NHNN, bổ sung khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định nội dung như sau: *“Số lượng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài”*.  - Khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đã quy định: *“Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về quản lý ngoại hối đối với việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động quy định tại Điều này”.* Do đó tại dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến điều khoản này. Không cần thiết phải xây dựng quy trình riêng cho việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài đối với hoạt động dầu khí.  - Việc chuyển vốn bằng máy móc, thiết bị, hàng hóa... ra nước ngoài từ trước đến nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, hải quan, công nghệ và không có vướng mắc lớn nào cần phải giải quyết. Khoản 2 Điều 66 Luật Đầu tư 2020 cũng quy định: *“Việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ và quy định khác của pháp luật có liên quan”*. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.  - Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên từ *“ngoại tệ”* thay cho từ *“tiền”* bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đầu tư năm.  - Để bảo đảm thuận lợi trong việc thực hiện Điều 14 dự thảo Nghị định, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
| Khoản 3 | **1. NHNN:** đề nghị bổ sung quy định về hạn mức chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí để đảm bảo việc quản lý nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài. | - Với đặc thù của ĐTRNN trong hoạt động dầu khí có vốn đầu tư lớn, Bộ Công Thương đề xuất việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐTRNN được thực hiện trên cơ sở các cam kết, thỏa thuận thương mại liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, không quy định hạn mức cụ thể. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ này đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.  (ĐTRNN trong hoạt động dầu khí là một hoạt động thương mại. Khoản 1 Điều 11 Luật Thương mại năm 2019 quy định: *“Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật.... để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó"*). |
| Khoản 4 | **1. NHNN:** đề nghị bỏ quy định này vì đây là hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài nên Nhà đầu tư Việt Nam chỉ được chuyển vốn ĐTRNN thực hiện dự án theo đúng GCNĐKĐTRNN đã được cấp và đúng quy định về điều kiện chuyển vốn ĐTRNN tại khoản 1 Điều 66 Luật Đầu tư.  **2. PVEP:** đề nghị bổ sung phần gạch chân như sau: “*4. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch hoàn trả lại phần góp vốn (thừa) của đối tác nước ngoài và thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của Hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi kết thúc dự án dầu khí, hoạt động dầu khí ở nước ngoài”*. | - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến của NHNN, bỏ nội dung: *“Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch hoàn trả lại phần góp vốn (thừa) của đối tác nước ngoài khác sau khi kết thúc dự án dầu khí, hoạt động dầu khí ở nước ngoài”*. |
| Khoản 5 | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị chỉnh sửa khoản 5 Điều 14 của dự thảo Nghị định như sau: *“Quy trình thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 82 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP”.*  **2. NHNN:** Đề nghị sửa thành như sau: *~~Quy trình thực hiện~~ Các giao dịch chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ~~quy định tại khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP~~”*  **3. PVN:** đề nghị sửa đổi như sau*: “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí”*.  **5. Hội dầu khí Việt Nam:** Khoản 3 không giới hạn về hạn mức như theo khoản 5 thì giới hạn chỉ là 300.000 USD?  **6. Vụ Pháp chế:** đề nghị bỏ đoạn dẫn chiếu *“quy định tại khoản 5 Điều 82 Nghị định 31/2021/NĐ-CP”* lý do hiện nay Ngân hàng nhà nước có các thông tư khác nhau để quy định quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong đó có Thông tư số 31/2018/TT-NHNN quy định về quản lý ngoại hối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí; Thông tư 12/2016/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đã sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-NHNN). | -Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN, PVN, khoản 5 Điều 14 dự thảo Nghị định được chỉnh sửa như sau: *“Quy trình chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP”.* Việc dẫn chiếu này để tránh phải xây dựng quy trình riêng cho việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài thực hiện hoạt động dầu khí.  - Khoản 5 Điều 14 dự thảo Nghị định không giới hạn hạn mức mà thực hiện theo các cam kết, thỏa thuận thương mại liên quan đến ĐTRNN trong hoạt động dầu khí.  - Sau khi Nghị định này có hiệu lực, NHNN sẽ rà soát các Thông tư hướng dẫn, theo đó chỉ có 1 quy trình chung cho việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài. |
|  | **1. PVN:** bổ sung điều khoản quy định: *“Đối với các trường hợp không thuộc nhóm dự án dầu khí ở nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 26 dưới đây và vốn đầu tư ra nước ngoài vượt hạn mức ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư sau khi kết thúc hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bao gồm: đề xuất của Nhà đầu tư; chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có); các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản pháp lý quy định nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Bộ Công Thương phối hợp xem xét đề xuất của Nhà đầu tư trước khi trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận”.* | - Đề xuất này của PVN không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020 (Điều 66), do đó Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
|  | **Điều 15. Huy động vốn cho dự án dầu khí ở nước ngoài và bảo lãnh vay vốn thực hiện dự án** | Khoản 1 | **1. NHNN:** đề nghị cân nhắc việc ủy quyền cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng (nước ngoài, hoặc trong nước). cần có một quy định mang tính nguyên tắc mà theo đó, các giao dịch huy động vốn cho dự án dầu khí ở nước ngoài và bảo lãnh vay vốn thực hiện dự án cần tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định pháp luật khác có liên quan. | Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định với các lý do sau:  - Nội dung này kế thừa khoản 1 Điều 23 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP.  - Việc huy động vốn từ tổ chức tài chính, tín dụng tại nước ngoài, số vốn huy động phải nằm trong hạn mức và cơ cấu vốn theo GCNĐKĐTRNN được cấp. Việc huy động trực tiếp, hoặc “ủy quyền” cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng cần được đánh giá chi tiết, có phương án cụ thể trong hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và cấp GCNĐKĐTRNN *(bản chất là hoạt động bảo lãnh đi vay nước ngoài, cần được thẩm định trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài).*  - Trên thực tế đối với mỗi tình huống cụ thể khi Nhà đầu tư thực hiện việc ủy quyền này cần đảm bảo ít rủi ro nhất và có khả năng thực hiện được (có phân tích đánh giá chi tiết trước khi ra quyết định liên quan) cũng như đã được cấp thẩm quyền chấp thuận trong quá trình xin chủ trương đầu tư, tuân thủ đầy đủ quy định về ngoại hối và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm (bảo lãnh) trong việc ủy quyền cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng. |
| **11** | **Điều 16 - Chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam** | Khoản 2 | **1. NHNN:**  - Đề nghị bỏ quy định “*nhà đầu tư* *có báo cáo gửi NHNN”* vì lý do NHNN không quản lý lĩnh vực dầu khí và hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, không có thẩm quyền cấp phép đầu tư trong hoạt động dầu khí, *không phê duyệt chủ trương, dự án đầu tư trong hoạt động dầu khí.*  - Đề nghị dự thảo bổ sung nội dung *“nhà đầu tư phải có văn bản báo cáo Bộ Công Thương”* vì Bộ Công Thương là cơ quan quản lý, cấp phép lĩnh vực dầu khí và thanh tra, kiểm tra, giám sát lĩnh vực này. Do đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung trên để đảm bảo phù hợp đúng chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương. | - Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định do NHNN là cơ quan theo dõi về vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài (nội dung này kế thừa Nghị định số 124/2017/NĐ-CP).  - Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan cấp phép GCNĐKĐTRNN và cơ qua chủ trì quản lý, theo dõi ĐTRNN trong hoạt động dầu khí. |
| Khoản 3 | **1. PVEP:** đề xuất hiệu chỉnh như sau: *“Trường hợp tổng vốn đầu tư ra nước ngoài chưa đạt so với vốn đăng ký hoặc trong trường hợp tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được giữ lại các khoản thu hồi vốn (chi phí) của dự án dầu khí ở nước ngoài và lợi nhuận của Nhà đầu tư ~~và phần còn lại của khoản thu hồi vốn sau khi nộp thuế (theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư)~~ để đầu tư cho dự án ~~đó nếu được quy định trong~~ dầu khí hoặc dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh”.* | - Việc đầu tư cho dự án khác sẽ phải xin cấp phép GCNĐKĐTRNN và thực hiện các thủ tục đầu tư như một dự án mới. Do đó, Bộ Công Thương tiếp thu một phần và sửa lại như sau: *“4. Trường hợp tổng vốn đầu tư ra nước ngoài chưa đạt so với vốn đăng ký hoặc trong trường hợp tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được giữ lại các khoản thu hồi vốn (chi phí) để đầu tư cho dự án đó nếu được quy định trong giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh”.* |
|  | **1. Bộ Tư pháp, 2. PVEP:** đề nghị bổ sung điều khoản quy định về chuyển lợi nhuận từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam.  **3. PVN, 4. Hội dầu khí Việt Nam:** đề nghịbổsung nội dung sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài tại Điều 16 với các điểm chính như sau (kế thừa và bổ sung Điều 24 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP):  *- Đối với dự án dầu khí ở nước ngoài có nhiều đối tác tham gia, nhà đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận rõ cơ chế chia lợi nhuận như: thời điểm chia, tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức phát sinh hằng năm.*  *- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản phân chia lợi nhuận/văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận được chia và các khoản thu nhập khác được nhận từ đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam. Trong thời hạn này mà chưa chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam, nhà đầu tư được gia hạn thêm không quá 12 tháng và phải có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng nhà nước Việt Nam.*  *- Nhà đầu tư được để lại lợi nhuận thu từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) nhằm mục đích tái đầu tư: (i) Góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài vay lại khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, tăng vốn đầu tư ra nước ngoài hoặc; (ii) Sử dụng để đầu tư cho những dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.*  *- Trong trường hợp lợi nhuận thu được từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) được giữ lại để tái đầu tư cho dự án dầu khí mới khác thì nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án dầu khí đầu tư mới (giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án dầu khí đầu tư mới tách biệt với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án hiện hữu đang triển khai).*  *- Nhà đầu tư được phép ký kết các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài mới hình thành từ lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế của nhà đầu tư để lại với hạn mức bằng tổng nợ gốc đã chuyển về Việt Nam của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài đã ký kết mà không cần thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trong trường hợp này, thời hạn của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài không quá 18 tháng tính từ thời điểm như quy định tại điểm (ii) nêu trên.*  *- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư chưa phải thực hiện điều tiết lợi nhuận trong thời gian chưa chuyển lợi nhuận về Việt Nam theo quy định của pháp luật nhưng phải bổ sung, thuyết minh tại báo cáo tài chính, phục vụ giám sát, theo dõi của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có liên quan.*  **5. Hội dầu khí Việt Nam:**  - Đề nghị bổ sung quy định về trường hợp điều chỉnh tăng vốn ĐTRNN để hoàn thành các nghĩa vụ, xử lý các tồn đọng trước khi chấm dứt dự án ĐTRNN (như nghĩa vụ thu dọn mỏ, chuyển tiền cho khoản gọi vốn còn thiếu, chi phí đền bù cam kết,…) theo quy định của hợp đồng và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư (nước sở tại).  - Cần xem xét lại, tại sao phải chuyển các khoản này về nước (vì sẽ phát sinh các loại thuế/phí theo quy định của pháp luật nước sở tại), có thể linh hoạt sử dụng để tái đầu tư? Mặt khác, thu hồi vốn/chi phí (chỉ thông dụng trong PSC) khác với chuyển lợi nhuận về nước. Khoản 2 cần nêu rõ khấu trừ vốn đầu tư có tính chiết khấu hay không. | - Điều 68 Luật Đầu tư năm 2020 đã quy định cụ thể về chuyển lợi nhuận về nước và không giao Chính phủ hướng dẫn Điều này, do đó Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.  - Việc tăng vốn ĐTRNN đều phải thực hiện điều chỉnh GCNĐKĐTRNN và đã được quy định tại Điều 10 và Điều 12 dự thảo Nghị định. Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định đã quy định về việc để lại khoản hồi vốn để đầu tư cho dự án. Nghị định không được quy định những nội dung không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư và các luật có liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.  - Nhà đầu tư cần chuyển các khoản này về nước để khấu trừ vào tổng vốn ĐTRNN nhằm bảo toàn vốn đầu tư. Khoản 1 Điều 4 đã quy định nguồn vốn ĐTRNN của nhà đầu tư bao gồm *“... lợi nhuận và các khoản được chia từ dự án dầu khí ở nước ngoài được giữ lại để thực hiện đầu tư ở nước ngoài”*. Việc tính chiết khấu chỉ áp dụng khi tính toán hiệu quả kinh tế của dự án. |
| **12** | **Điều 17 - Chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài** |  | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị làm rõ lý do có quy định về *“thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế”* tại khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 17 của dự thảo Nghị định để đảm bảo việc áp dụng rõ ràng, khả thi.  **1. Hội dầu khí Việt Nam:** cần có thêm quy định cho trường hợp chuyển nhượng dự án không có lợi nhuận và/hoặc cắt lỗ. | - Khoản 34 Điều 3 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 quy định *“Thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế là các chuẩn mực, tiêu chuẩn, phương pháp, thủ tục đã được chấp nhận và sử dụng phổ biến bởi các nhà đầu tư dầu khí, các nước tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí trên thế giới”*. Việc quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 17 nhằm có căn cứ triển khai thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài trong trường hợp văn bản pháp luật nước ngoài không có quy định nhưng lại cho phép thực hiện theo thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế. Điều 17 đã quy định đầy đủ về việc chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài.  - Việc chuyển nhượng dự án không có lợi nhuận hoặc cắt lỗ do nhà đầu tư tự quyết định. Khoản 2 Điều 5 Luật Đầu tư quy định: *“Nhà đầu tư được tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan...”*. Khoản 2 Điều 51 Luật Đầu tư quy định: *“Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài”.* |
| **13** |  |  | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị bổ sung điều khoản quy định về chấm dứt dự án dầu khí ở nước ngoài. | - Luật Đầu tư 2020 không quy định về chấm dứt dự án ĐTRNN mà chỉ có quy định về chấm dứt hiệu lực GCNĐKĐTRNN (Điều 64). Nhà đầu tư được tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư kinh doanh (khoản 2 Điều 5 Luật Đầu tư năm 2020). Do đó, Bộ Công Thương đề nghị không bổ sung điều khoản này và giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
| **14** | **Điều 18 -** **Xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công** |  | **1. PVN:** đề xuất giữ nguyên các nội dung Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP quy định xử lý chi phí không thành công của dự án dầu khí tại nước ngoài và đưa nội dung này vào Nghị định mới thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP. Cụ thể:  *“1. Đối với chi phí phát sinh riêng của nhà đầu tư*  *a) Nhà đầu tư được phép phân bổ dần chi phí mua quyền tham gia dự án dầu khí ở nước ngoài (hoa hồng chữ ký, hoa hồng trữ lượng hoặc chi phí tương tự khác) mà không được ghi nhận vào chi phí dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc không được thu hồi toàn bộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày thực hiện chi trả các chi phí này.*  *b) Nhà đầu tư được kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý, hành chính do nhà đầu tư trực tiếp chi trả nhưng không được ghi nhận vào chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài, trừ các chi phí quản lý, hành chính trực tiếp đến dự án do người điều hành gọi vốn định kỳ hoặc hàng năm. Các chi phí được kết chuyển gồm: chi phí chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài (phí đọc tài liệu; chi phí đi lại; hội họp, đàm phán, phí thành lập pháp nhân tham gia dự án theo yêu cầu của nước tiếp nhận đầu tư); chi phí văn phòng quản lý, hỗ trợ dự án. Các chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 05 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.*  *2. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí*  *a) Các khoản chi phí đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi có thể được thực hiện phân bổ ngay vào kỳ phát sinh chi phí;*  *b) Khi kết thúc giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí mà không có phát hiện thương mại trong diện tích hợp đồng và không có quyết định gia hạn giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí thì toàn bộ chi phí đã phát sinh trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí* *được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định kết thúc dự án dầu khí ở nước ngoài và tổng chi phí phân bổ không vượt quá giá trị quyết toán;*  *c) Các chi phí được phép kết chuyển, phân bổ quy định tại điểm a, b khoản này bao gồm: các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của dự án dầu khí ở nước ngoài; các khoản đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi;*  *d) Đối với dự án có phát hiện thương mại nhưng chỉ có hiệu quả kinh tế tính từ giai đoạn đầu tư phát triển và nhà đầu tư lựa chọn tiếp tục đầu tư phát triển thì toàn bộ hoặc phần chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí đã phát sinh được cấp quyết định đầu tư dự án phê duyệt mà không có khả năng thu hồi, sẽ được kết chuyển và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ ngày dự án dầu khí ở nước ngoài bước vào giai đoạn phát triển. Trường hợp giá trị mỏ dầu khí tăng và dự án dầu khí ở nước ngoài đạt hiệu quả kinh tế cao hơn hoặc sau đó nhà đầu tư được nước tiếp nhận đầu tư cho phép thu hồi toàn bộ hoặc một phần chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí đã phát sinh trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí thì nhà đầu tư phải hoàn lại chi phí đã phân bổ tương ứng với phần hiệu quả kinh tế tăng thêm so với giá trị xác định tại thời điểm bắt đầu phân bổ hoặc chi phí được nước tiếp nhận đầu tư cho phép thu hồi nhưng không vượt quá giá trị đã phân bổ từ dự án trước đây.*  *3. Đối với các dự án phát triển mỏ, khai thác dầu khí*  *a) Căn cứ vào kết quả khai thác sớm, báo cáo cập nhật sản lượng, chi phí và hiệu quả đầu tư dự án, nếu kết quả cập nhật cho thấy dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế so với phương án phát triển đã được phê duyệt thì phần chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển của dự án chưa được thu hồi sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm kế tiếp năm có báo cáo cập nhật sản lượng nhưng không vượt quá giá trị suy giảm của mỏ dầu khí. Trường hợp giá trị mỏ tăng, phần chi phí đã được phân bổ được hoàn nhập lại chi phí nhưng không vượt quá giá trị đã được phân bổ kể từ ngày có quyết định của cấp quyết định đầu tư dự án về phương án phân bổ chi phí;*  *b) Các chi phí được phép phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này bao gồm: các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của dự án dầu khí ở nước ngoài; các khoản đóng góp theo quy định của hợp đồng dầu khí nhưng không được tính là chi phí thu hồi”.*  **2. Hội dầu khí Việt Nam, 3. PVEP:** đề nghị chi phí các dự án tìm kiếm, thăm dò không thành công xử lý như Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP. Chi phí các dự án phát triển/khai thác bị lỗ: xử lý vào công ty mẹ. | - Dự thảo Nghị định áp dụng chung cho các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến ĐTRNN trong hoạt động dầu khí. PVN cũng là một đơn vị ĐTRNN trong hoạt động dầu khí nên không thể có đối xử khác biệt với các nhà đầu tư khác. Hơn nữa, một số nội dung quy định tại Nghị định số 124/2017/NĐ-CP hiện không phù hợp với Luật thuế thu nhập doanh ngiệp. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
| **15** | **Điều 20 - Nghĩa vụ tài chính** | Khoản 1 | **1. PVN: đề xuất bổ sung như sau:**  *"1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án dầu khí ở nước ngoài đối với Nhà nước Việt Nam, nước tiếp nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan”.*  **2. Hội dầu khí Việt Nam:** khoản 1 thêm *“theo quy định của nước sở tại”.* | - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến PVN, Hội Dầu khí Việt Nam, chỉnh sửa tên Điều 20 dựu thảo Nghị định là *“Nghĩa vụ tài chính tại Việt Nam”* và chỉnh sửa khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định như sau: *“Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan”.* |
| **16** | **Điều 23. Kết thúc đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài** |  | **1. UBQLV:** đề nghị rà soát quy định tại Nghị định số 124/2017/NĐ-CP để kế thừa những quy định còn phù hợp như quy định về việc tạm dừng hoặc chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí. | - Khoản 2 Điều 5 Luật Đầu tư quy định: *“Nhà đầu tư được tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan...”*. Khoản 2 Điều 51 Luật Đầu tư quy định: *“Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài”.* Việc tạm dừng hoặc chấm dứt dự án ĐTRNN do nhà đầu tư quyết định phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định này. |
| **17** | **Chương IV - Quản lý nhà nước về ĐTRNN trong hoạt động dầu khí** |  | **1. Vụ Pháp chế:** đề nghị bỏ Chương này, trường hợp muốn giữ nội dung Điều 24 đề nghị rà soát chỉnh sửa gộp với nội dung khoản 3 Điều 25 dự thảo và có thế đặt tên điều theo hướng “ Điều… Tổ chức thực hiện).  **2. PVN:** đề xuất xem xét bổ sung nội dung tại Điều 24 như sau: “*Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu báo cáo để kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư của các dự án dầu khí tại nước ngoài phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí”.* | - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định (bỏ Chương quản lý nhà nước về ĐTRNN trong hoạt động dầu khí và bổ sung 1 Điều tại Chương về điều khoản thi hành).  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư. Đồng thời điểm c khoản 2 Điều 69 Luật Đầu tư đã quy định về trách nhiệm này của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. |
| **18** | **Điều 25. Hiệu lực thi hành** |  | **1. Hội dầu khí Việt Nam:** Xin thêm ý kiến Bộ Tư pháp, vì nếu Nghị định này thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP thì sẽ có *“khoảng trống pháp luật”* từ lúc Nghị định số 124/2017/NĐ-CP hết hiệu lực cho đến khi Nghị định này có hiệu lực. | - Về nguyên tắc, Nghị định số 124/2017/NĐ-CP hết hiệu lực khi Nghị định này có hiệu lực (theo ý kiến của Bộ Tư pháp), do đó không có khoảng trống về pháp lý. |
| **19** | **Điều 26 - Quy định chuyển tiếp** | Khoản 1 | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 26 như sau: *“1. Các hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí đã trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017 của Chính phủ về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí”*.  **2. Hội dầu khí Việt Nam:** không phải trình lại và sẽ được xử lý theo quy trình của Nghị định này;  **3. Vụ Pháp chế:** đề nghị chỉnh sửa theo hướng hồ sơ hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận... tương tự như quy định của Nghị định số 31/2022/NĐ-CP. | - Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và Vụ Pháp chế, chỉnh khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định như sau: *“Các hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí”.* |
| Khoản 2 | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị bỏ khoản 2 Điều 26 vì các quy định tại khoản này không phải là quy định chuyển tiếp.  **2. NHNN:**  - Đề nghị chỉnh sửa theo hướng: đối với các dự án dầu khí có giấy phép đầu tư, GCNĐKĐTRNN, được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 hoặc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư và Nghị định trước đây (ở thời điểm đó).Lý do:Với dự án được cấp giấy phép đầu tư, GCNĐKĐTRNN trước ngày 01/7/2015 thì tiếp tục thực hiện theo Giấy phép đã cấp. Với dự án trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo Nghị định số 124/2017/NĐ-CP.  - Đề nghị làm rõ: (i) các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác bao gồm những khoản gì, những nghĩa vụ gì; (ii) cơ quan nào có thẩm quyền quyết định, chịu trách nhiệm phê duyệt hoặc chấp thuận về các nghĩa vụ tài chính, các khoản chi phí này; (iii) các nghĩa vụ tài chính này có được quy định trong giấy phép đầu tư, GCNĐKĐTRNN chưa?  - Trường hợp “các nghĩa vụ tài chính” của nhà đầu tư để thanh toán cho nước tiếp nhận đầu tư, đối tác: nếu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa được quy định tại giấy phép đầu tư, GCNĐKĐTRNN thì nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục hồ sơ điều chỉnh giấy phép đầu tư, GCNĐKĐTRNN theo quy định tại Nghị định số 124/2017/NĐ-CP (đang còn hiệu lực trong giai đoạn chuyển tiếp).  - Đề nghị bỏ quy định “*nhà đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư”* vì lý do sau: (i) NHNN không có chức năng, nhiệm vụ liên quan các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí; (ii) NHNN không có thẩm quyền phê duyệt các nghĩa vụ tài chính này.  **3. UBQLV:** khi kết thúc dự án để chấm dứt hoạt động dầu khí, Nhà đầu tư được phép chuyển tiền ra nước ngoài nhằm hoàn tất các nghĩa vụ bắt buộc, cam kết đối với nước tiếp nhận đầu tư và các đối tác phù hợp với quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan.  **4. PVN:** đề nghị bổ sung như sau:*“Đối với các dự án dầu khí có giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 hoặc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, cũng như đối với dự án triển khai theo chỉ đạo, quyết định của Chính phủ mà không có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,* nhà đầu tư *được phép chuyển tiền để kết thúc hoạt động đầu tư tại nước ngoài và thực hiện thủ tục đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam”.*  **5. Hội dầu khí Việt Nam:** thêm vào đoạn cuối *“và nước sở tại”.*  **6. Vụ Pháp chế:** đề nghị rà soát lại nội dung tại khoản 2 Điều 26 dự thảo do nội dung này không phải quy định chuyển tiếp mà đang quy định để áp dụng hồi tố, xử lý cho các dự án trước đây để làm thủ tục đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Đồng thời, tham khảo ý kiến góp ý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung này. | - Các nghĩa vụ tài chính khi kết thúc dự án gồm: khoản góp vốn còn thiếu, chi phí thu dọn công trình dầu khí/đóng dự án, các chi phí hoàn trả đối tác khi *“ứng vốn”* cho nhà đầu tư Việt Nam, các khoản thuế, phí theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư mà nhà đầu tư Việt Nam chưa nộp,…  - Nội dung khoản 2 Điều 26 được xây dựng trên cơ sở thực tiễn ĐTRNN trong hoạt động dầu khí. Nếu các nghĩa vụ đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác không được xử lý kịp thời sẽ dẫn đến các vụ kiện, khi đó thiệt hại cho nhà đầu tư Việt Nam sẽ lớn hơn rất nhiều. Do đó, Bộ Công Thương thấy rằng cần thiết phải có quy định này. |
| Khoản 3 | **1. Bộ Tư pháp:** Đề nghị làm rõ sự cần thiết của quy định tại khoản 3 Điều 26.  **2. Hội dầu khí Việt Nam, 3. PVEP:** đề nghị bỏ nếu đã có bổ sung vào Điều 18 dự thảo Nghị định theo đúng nội dung của Nghị định số 124/2017/NĐ-CP. | - Khoản 3 Điều 26 gắn với Điều 18 dự thảo Nghị định, do đó cần thiết có quy định này để tránh khoảng trống pháp lý. |
| **20** | **Về đề nghị bổ sung** |  | **NHNN:** đề nghị bổ sung 1 điều khoản về thủ tục, hồ sơ đăng ký/đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối sau khi NĐT được cấp Giấy CNĐKĐTRNN hoặc điều chỉnh Giấy CNĐKĐTRNN tương tự nội dung quy định tại Điều 21, 22 Nghị định số 124/2017/ NĐ-CP. Trường hợp bỏ nội dung này, NHNN không có cơ sở pháp lý hướng dẫn thủ tục hành chính tại Thong tư vì khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “Những hành vi bị nghiêm cấm:…4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư của Bộ trưởng…trừ trường hợp được luật giao”. | - Khoản 2 Điều 66 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: *“Việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối..”*. Khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định quy định *“Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về quản lý ngoại hối đối với việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động quy định tại Điều này"*. NHNN đã có Thông tư 12/2016/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đã sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-NHNN)  - Như vậy, có cơ sở pháp lý để NHNN ban hành thông tư hướng dẫn. Khoản 5 Điều 14 dự thảo Nghị định đã quy định dẫn chiếu đến khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. |
| **21** | **Về lấy ý kiến** |  | **1. Bộ Tư pháp:** đề nghị tham khảo ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam. | - Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước Việt Nam. |
| **22** | **Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo** |  | **2. Bộ Tư pháp**: đề nghị rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Công Thương tiếp thu và rà soát, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. |